

## Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN

Ngày 13 tháng 9 năm 2013

LS Trần Xoa

1

### Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013

#### Điều 1

#### Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN:

#### **1. Khoản 3 Điều 2 (Người nộp thuế) được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“3. Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, DN nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

- a) Chi nhánh, v/phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, ph/tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam;
- b) Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;
- c) Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác;
- d) Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;
- đ) Đại diện tại Việt Nam trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.”

## 2. Khoản 2 Điều 3 (Thu nhập chịu thuế) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, **chuyển nhượng quyền góp vốn**; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, **chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản**; thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, **kể cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật**; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, **trong đó có các loại giấy tờ có giá**; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; khoản thu từ nợ khó đòi đã xoá nay đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác, kể cả thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.”

## 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 4 (Thu nhập được miễn thuế); bổ sung các khoản 8, 9, 10 và 11 vào Điều 4 (Thu nhập được miễn thuế) như sau:

“1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, **sản xuất muối** của hợp tác xã; **thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.**”

“4. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp **có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật**, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ hai mươi người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.”

## Thu nhập được miễn thuế

*“8. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải.*

*9. Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu; thu nhập từ hoạt động tín dụng cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác của Ngân hàng Chính sách xã hội; thu nhập của các quỹ tài chính nhà nước và quỹ khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật; thu nhập của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do CP thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

*10. Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã.*

*11. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”*

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

5

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 4 (Thu nhập được miễn thuế); bổ sung các khoản 8, 9, 10 và 11 vào Điều 4 (Thu nhập được miễn thuế) như sau:

### **4. Khoản 3 Điều 7 (Xác định thu nhập chịu thuế) được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*“3. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, **chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản** phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. **Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.**”*

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

6

## 5. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế**

1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi ***khi xác định thu nhập chịu thuế*** nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; ***khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của DN theo quy định của pháp luật;*** (\*)

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. ***Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.*** (\*\*)

(\*) Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 ngày 19/6/2013)

(\*\*) Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của CP)

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

7

## ***Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 ngày 19/6/2013***

**Điều 14. Đối với đối tượng trong cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội**

c) **Người quản lý** trong doanh nghiệp nhà nước;

**Điều 15. Đối với người quản lý DN ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập**

1. **Người quản lý DN ngoài khu vực nhà nước** phải tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh bao gồm:

a) **Doanh nghiệp có quy mô vừa trở lên;**

b) Doanh nghiệp hoạt động phục vụ quốc phòng và an ninh;

c) Doanh nghiệp hoạt động ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

3. Nội dung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho người quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tập trung vào chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh.

4. Quy định tại Điều này không áp dụng cho người nước ngoài.

**Điều 18. Chế độ, quyền lợi đối với đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh**

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Luật này khi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được hưởng nguyên lương, phụ cấp, hỗ trợ phương tiện hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi, về và hỗ trợ tiền ăn do DN ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập bảo đảm; chi phí bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, nơi nghỉ cho đối tượng xa nơi cư trú do ngân sách nhà nước bảo đảm.

**Điều 29. Nguồn kinh phí**

2. Kinh phí do DN, đơn vị sự nghiệp bảo đảm thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật này. **Khoản kinh phí này được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.**

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

8

## **Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế**

### **2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:**

- a) Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;
- b) Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;
- c) Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;
- d) Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;
- đ) Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;
- e) Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;

## **Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế**

- g) Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;
- h) Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật;
- i) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để chi trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- k) Phần chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu;
- l) Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp;
- m) **Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 15% tổng số chi được trừ.** Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra;

## **Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế**

n) Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, **ngiên cứu khoa học**, khắc phục hậu quả thiên tai, **làm nhà đại đoàn kết**, nhà tình nghĩa, **nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**;

o) **Phân trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động vượt mức quy định theo quy định của pháp luật**;

p) **Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.**

3. Khoản chi bằng ngoại tệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh khoản chi bằng ngoại tệ.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”

## **6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 10. Thuế suất**

**1. Thuế suất thuế TNDN là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật này.**

**Những trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% quy định tại khoản này chuyển sang áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.**

**2. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%.**

**Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% tại khoản này là doanh thu của năm trước liền kề.**

**3. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh.**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”

## 7. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất**

#### **1. Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm đối với:**

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

**b) Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường;**

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

13

## Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

**c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;**

**d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:**

**- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt mười nghìn tỷ đồng/năm, chậm nhất sau ba năm kể từ năm có doanh thu;**

**- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng trên ba nghìn lao động.**

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

14

## Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

### 2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường;

**b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 của Luật nhà ở;**

c) Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, kể cả quảng cáo trên báo in theo quy định của Luật báo chí; thu nhập của cơ quan xuất bản từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật xuất bản;

d) Thu nhập của DN từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng nông, lâm, thủy sản ở địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;

đ) Thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trừ thu nhập của hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này.

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

15

## Điều 53 Luật Nhà ở

### Điều 53. Đối tượng và điều kiện được thuê nhà ở xã hội

1. Đối tượng được thuê nhà ở xã hội là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

2. Người được quy định tại khoản 1 Điều này có thu nhập thấp và thuộc một trong các trường hợp sau đây thì được thuê nhà ở xã hội:

a) Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê hoặc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

b) Có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 5m<sup>2</sup> sàn/người;

c) Có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng là nhà ở tạm, hư hỏng hoặc dột nát.

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

16



### Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

#### **3. Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian mười năm đối với:**

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

***b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.***

***Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản này được áp dụng thuế suất 17%.***

### Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

4. Áp dụng thuế suất 20% đối với thu nhập của Quỹ tín dụng nhân dân ***và tổ chức tài chính vi mô.***

***Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô được áp dụng thuế suất 17%.***

5. Đối với dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá ***mười lăm năm.***

6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; ***đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.***

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”

## **8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế**

**1. Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.**

**2. Thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật này và thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới tại KCN, trừ KCN thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo.**

## **Dự thảo Nghị định**

**3. Miễn thuế hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc diện áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành thuộc đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương hoặc khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh).**

Việc xác định đô thị loại đặc biệt, loại I quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ quy định về phân loại đô thị.

*(Theo quy định nêu trên thì sẽ có 28/289 KCN không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Đây là các KCN thuộc khu vực nội thành của 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước.)*

## **Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế**

3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của DN từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính **từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế** từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. ***Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Luật này được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.***

## **Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế**

4. ***Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có) hoặc được miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng quy định tại khoản này bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.***

## **Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế**

*Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:*

- a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ hai mươi tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này hoặc từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;*
- b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư;*
- c) Công suất thiết kế tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi đầu tư.*

## **Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế**

*Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động có đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế theo quy định của Luật này mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản này thì áp dụng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có).*

*Trường hợp doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.*

*Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản này được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh.*

*Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động.*

*Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”*

## 9. Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 (Các trường hợp được giảm thuế khác) như sau:

***“3. Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ.”***

## 10. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 16. Chuyển lỗ**

1. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

***2. Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư sau khi đã thực hiện bù trừ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Luật này nếu còn lỗ và doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó. Thời gian chuyển lỗ theo quy định tại khoản 1 Điều này.”***

## **11. Khoản 1 Điều 17 (Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của DN) được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. ***Riêng doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này còn phải bảo đảm tỷ lệ trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.***”

*(Khoản 2 Điều 63 Luật Khoa học và công nghệ 2013: “2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*

*Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.”)*

## **12. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

### **“Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế**

1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

***Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện dự án đầu tư mới quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với các trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.***

2. DN phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động SXKD được ưu đãi thuế quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật này với thu nhập từ hoạt động SXKD không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động SXKD được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu của DN.

## **Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế**

**3. Thuế suất 20% quy định tại khoản 2 Điều 10 và quy định về ưu đãi thuế tại khoản 1 và khoản 4 Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với:**

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ nhà ở xã hội quy định tại Điều 13 của Luật này; thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;**
- b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản;**
- c) Thu nhập từ kinh doanh ~~trò chơi có thưởng, cá cược theo quy định của pháp luật; dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;~~**
- d) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.**

**4. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.”**

## **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013**

### **Điều 2**

**1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.**

**2. Quy định về áp dụng thuế suất 20% đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng tại khoản 6 Điều 1 và quy định về áp dụng thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội tại khoản 7 Điều 1 của Luật này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.**

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN  
số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013**

**3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mà tính đến hết kỳ tính thuế năm 2013 còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN (thuế suất, thời gian miễn, giảm thuế) theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản đó. Trường hợp đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của Luật này thì được lựa chọn ưu đãi đang hưởng hoặc ưu đãi theo quy định của Luật này theo diện ưu đãi đối với đầu tư mới cho thời gian còn lại nếu đang hưởng theo diện doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư hoặc theo diện ưu đãi đối với đầu tư mở rộng cho thời gian còn lại nếu đang hưởng theo diện đầu tư mở rộng.**

**Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015, trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi 20% quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 của Luật này thì kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng mức thuế suất 17% cho thời gian còn lại.**

LS Trần Xoa VCCL.VT 13.9.2013

31

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN  
số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013**

**4. Bãi bỏ các nội dung quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp tại các điều, khoản của các luật sau đây:**

- a) Khoản 2 Điều 7 của Luật bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13;**
- b) Khoản 2 Điều 4 của Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12;**
- c) Khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 18; khoản 2 Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 22; khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 28 của Luật công nghệ cao số 21/2008/QH12;**
- d) Các khoản 1, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 44, Điều 45 của Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11;**
- đ) Khoản 1 Điều 53, khoản 5 Điều 55 và khoản 3 Điều 86 của Luật dạy nghề số 76/2006/QH11;**

LS Trần Xoa VCCL.VT 13.9.2013

32



**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN  
số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013**

- e) Khoản 1 Điều 68 của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài số 72/2006/QH11;  
g) Khoản 2 Điều 6 của Luật bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11;  
h) Khoản 3 Điều 8 của Luật trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11;  
i) Khoản 3 Điều 66 của Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;  
k) Điều 34 của Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12;  
l) Khoản 4 Điều 33 của Luật đầu tư số 59/2005/QH11;  
m) Khoản 2 Điều 58, khoản 2 Điều 73, khoản 3 Điều 117 và khoản 3 Điều 125 của Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11.  
5. Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.*

---oOo---

**Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính  
phủ, hiệu lực từ ngày ký**

**Điều 2. Áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% đối với DN có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng theo quy định tại Điểm 2 Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN**

1. DN được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, kể cả hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp có thu có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 01/7/2013.

Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định DN thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản này là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của DN của năm trước liền kề.

**Trường hợp DN có tổng thời gian hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ khi thành lập đến hết kỳ tính thuế TNDN năm 2012 không đủ 12 tháng hoặc kỳ tính thuế nhiều hơn 12 tháng theo quy định hoặc mới thành lập trong 6 tháng đầu năm 2013 thì doanh thu làm căn cứ xác định DN được áp dụng thuế suất 20% quy định tại khoản này là doanh thu bình quân tháng của năm 2012 hoặc bình quân của các tháng trong năm 2013 tính đến hết ngày 30/6/2013 không vượt quá 1,67 tỷ đồng.**

**Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ, hiệu lực từ ngày ký**

**2. Thuế suất 20% quy định tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các khoản thu nhập sau:**

- a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (trừ thu nhập từ đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội quy định tại Điều 3 Nghị định này), thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;
- b) Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản;
- c) Thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

35

**Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ, hiệu lực từ ngày ký**

**Điều 3. Áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với thu nhập từ đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 2b Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN**

1. DN thực hiện đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội được áp dụng thuế suất 10% đối với phần thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội phát sinh từ ngày 01/7/2013, **không phụ thuộc vào thời điểm ký hợp đồng bán, cho thuê hoặc cho thuê mua nhà ở xã hội.**

Nhà ở xã hội quy định tại khoản này là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về giá cho thuê, về giá cho thuê mua, về đối tượng, điều kiện được mua, được thuê, được thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

LS Trần Xoa VCCI.VT 13.9.2013

36

**Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ, hiệu lực từ ngày ký**

Thu nhập từ đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội được áp dụng thuế suất 10% tại khoản này là thu nhập từ việc bán, cho thuê, cho thuê mua phát sinh từ ngày 01/7/2013; trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được phần thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội phát sinh từ ngày 01/7/2013 thì thu nhập được áp dụng thuế suất 10% được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoạt động bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trên tổng doanh thu trong thời gian tương ứng của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp được áp dụng ưu đãi thuế quy định tại Khoản 1 Điều này là doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

---oOo---